TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 77/2024/QĐST-DS	*Vũng Tàu, ngày 04 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 478/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh B về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1

Trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh V;

Ông Đoàn Văn T1 ủy quyền lại cho: Ông Vương Huy M – Phó Trưởng phòng G, thị xã P - Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh V;

Địa chỉ liên lạc: Số B đường Đ, Quốc lộ E, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Bị đơn:

1. Ông Ngô Hà Quốc S, sinh năm 1987
2. Bà Trương Quế L, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số A Dự án Trung tâm Thương mại D - Số C N, phường A, quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Ngô Hà Quốc S và bà Trương Quế L xác nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền tính đến 26/08/2024 là: **11.315.829.009**đ (Bằng chữ: Mười một tỷ ba trăm mười lăm triệu tám trăm hai mươi chín ngàn không trăm lẻ chín đồng); trong đó nợ gốc: 10.044.576.471đ (Bằng chữ: Mười tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi mốt đồng), tiền lãi 1.271.252.538đ (một tỷ hai trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi hai ngàn năm trăm ba mươi tám đồng) theo hợp đồng cho vay số M75/NH0120-SPC ngày 14/01/2020 được ký kết giữa ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L với Ngân hàng TMCP N1.

Ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số M75/NH0120-SPC ngày 14/01/2020 đến ngày ông Ngô Hà Quốc S và bà Trương Quế L trả hết nợ. Thời hạn thanh toán vào ngày 10/9/2024.

Trường hợp ông Ngô Hà Quốc S và bà Trương Quế L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả nợ thì Ngân hàng TMCP N1 được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm của ông Ngô Hà Quốc S và bà Trương Quế L để thu hồi nợ, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số M75/NH0120-SPC ngày 14/01/2020, gồm:

1. Thửa đất số 175, tờ bản đồ số 19 có diện tích **688,8m^2** đất chuyên trồng lúa nước tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 301736 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 08/10/2012 cấp cho ông Trương Văn C, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

2. Thửa đất số 176, tờ bản đồ số 19 có diện tích **726,5m^2** đất chuyên trồng lúa nước tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 301737 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 08/10/2012 cấp cho ông Trương Văn C, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

3. Thửa đất số 48, tờ bản đồ số 19 có diện tích **649,3m^2** đất chuyên trồng lúa nước tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 282440 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/05/2014 cấp cho bà Dương Thị N, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

4. Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 19 có diện tích **980m^2** đất chuyên trồng lúa nước tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 362058 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 17/11/2014 cấp cho bà Dương Thị N, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

5. Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 19 có diện tích **700,8m^2** đất ở tại nông thôn tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 282441 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 20/05/2014 cấp cho bà Dương Thị N, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

6. Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 19 có diện tích **180m^2** đất ở tại nông thôn tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 301738 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 08/10/2012 cấp cho ông Trương Văn C, chỉnh lý chuyển nhượng cho ông Ngô Hà Quốc S ngày 13/01/2020.

Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết phần nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP N1.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N1 thì Ngân hàng TMCP N1 thông qua Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại huyện T, tỉnh Long An, thu thập chứng cứ, tống đạt xác minh tại thành phố Hồ Chí Minh: Là 20.000.000đ (bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L phải nộp. Do Ngân hàng TMCP N1 đã nộp nên ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi suất theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Ông Ngô Hà Quốc S, bà Trương Quế L nộp 59.657.915đ (bằng chữ: Năm mươi chín triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền 59.500.000đ (năm mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000373 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thị Yến Oanh